

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MOLICA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MOLICA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MOLICA SERVICE TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MOLICA CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0314855863

3. Ngày thành lập: 23/01/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

766/32/1 Quốc Lộ 13 , Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý du lịch	7911
2.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
3.	Xây dựng công trình công ích	4220
4.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác (trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)	8129(Chính)
5.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	8230
6.	Xây dựng nhà các loại	4100
7.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
8.	Phá dỡ	4311
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh được phẩm).	4649
10.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
11.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
12.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	7020
13.	Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở).	4632
14.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
15.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
16.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyên)	4933

17.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi)	5210
18.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
19.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
20.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
21.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7410
22.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
23.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ mua bán vàng miếng)	4662
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
25.	Cung ứng lao động tạm thời (trừ cho thuê lại lao động).	7820
26.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
27.	Chuẩn bị mặt bằng (trừ cho thuê lại lao động)	4312
28.	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động) .	4330
29.	Điều hành tua du lịch	7912
30.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm.	7810
31.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản, môi giới bảo hiểm).	4610
32.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
33.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản tại trụ sở)	4322
34.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
35.	Vệ sinh chung nhà cửa (trừ dịch vụ xông hơi khử trùng)	8121
36.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản.	6820

37.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	4633
38.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không).	5224
39.	Cho thuê xe có động cơ	7710
40.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
41.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
42.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
43.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động).	7830
44.	Bán buôn gạo (không hoạt động tại trụ sở).	4631
45.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
46.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 500.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	BÙI DUY THÀNH	Tân Dân, Xã Tân Dân, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	250.000.000	50,000	031713844	
2	THÂN HƯƠNG LAN	9 Ngõ 155/74/20 Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	250.000.000	50,000	024193000113	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI DUY THÀNH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *09/05/1993*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *031713844*

Ngày cấp: *19/04/2008*

Nơi cấp: *Công an Tỉnh Hải Phòng*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tân Dân, Xã Tân Dân, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tân Dân, Xã Tân Dân, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hồ Chí Minh